

TRĂNG

Xuân Diệu ⁽¹⁾

*Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ...
Im lìm, không dám nói năng chi.*

*Bâng khuâng chân tiểc giậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỗi nhịp trăng đang.*

*Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa càn;
Cho gió đượm buồn, thôi náo động
Linh hồn yếu điệu của đêm thanh.*

*Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá!
Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.*

(Dẫn theo *Thi nhân Việt Nam* - Hoài Thanh - Hoài Chân, NXB Văn học, 2002)

CẢNH KHUYA

Hồ Chí Minh ⁽²⁾

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

1947

(Dẫn theo *Thơ Hồ Chí Minh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

Chú thích:

⁽¹⁾ Xuân Diệu (1916 - 1985) là một trong những nhà thơ lớn của dân tộc, được Hoài Thanh nhận xét “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ Mới”. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, thơ Xuân Diệu dồi dào những rung động tươi mới, tràn trề tình yêu và niềm khát khao giao cảm với đời. Bài thơ *Trăng* được in trong tập *Thơ thơ* (1933 - 1938), tập thơ đầu tay của tác giả.

⁽²⁾ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969) là lãnh tụ cách mạng vĩ đại, đồng thời là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn bó mật thiết với cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Bài thơ *Cảnh khuya* được viết năm 1947 ở chiến khu Việt Bắc vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

---HẾT---

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề
HƯỚNG DẪN CHẤM

A. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của **Hướng dẫn chấm** để đánh giá tổng quát bài làm của Học sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong Tổ bộ môn của trường.
- Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến theo quy định hiện hành.

B. Đáp án

Phần	Đáp án và biểu điểm	Điểm
I	ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)	
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận. 0,5
	2	Luận đề của văn bản là lòng kiên trì. 0,5
	3	Tác dụng của phép điệp (kiên trì, lòng kiên trì, hãy...) trong văn bản: 0,25
		- Tạo điểm nhấn, gây ấn tượng, mang lại sức thuyết phục, sinh động và hấp dẫn cho văn bản. 0,25
	4	- Góp phần nhấn mạnh tầm quan trọng, vai trò của lòng kiên trì trong cuộc sống đối với mỗi người. Từ đó, gửi gắm thông điệp đến mọi người hãy giữ vững lòng kiên trì của bản thân. 0,5
		Nhận xét ngắn gọn mối quan hệ giữa luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản: 0,25
		- Quan hệ chặt chẽ, lô gích, khoa học. 0,5
		- Luận điểm nêu lên quan điểm về một khía cạnh của vấn đề bàn luận: <i>kiên trì là một phẩm chất có vai trò quan trọng trong cuộc sống</i> ; lí lẽ trình bày những ý suy luận nhằm làm sáng tỏ luận điểm: <i>kiên trì giúp ta tiếp tục nỗ lực, kiên trì là cầu nối để thực hiện lý tưởng, ...</i> ; bằng chứng minh họa: <i>một điển hình về lòng kiên trì là Thomas Edison, nhà phát minh người Mỹ.</i>

		- Tác dụng của mối quan hệ: làm tăng sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận về lòng kiên trì trong cuộc sống.	0,25
	5	- HS trình bày rõ quan điểm cá nhân về ý kiến. - HS có lí giải rõ ràng, lí lẽ phong phú, thuyết phục, hợp lí. Có thể theo gợi ý sau đây: Ý kiến thể hiện quan điểm đúng đắn, chính xác về vai trò của lòng kiên trì. Bởi vì: Lòng kiên trì sẽ mang đến sức mạnh nội tại, giúp ta vượt qua mọi khó khăn, trở ngại. Phẩm chất quan trọng ấy củng cố niềm tin vào cuộc sống. Khi có sự kiên trì, con người luôn không ngừng tiến lên để đạt được mục tiêu đã đặt ra,....	0,25 0,75
II	VIẾT (6,0 điểm)		
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ tác hại của việc thiếu kiên trì trong cuộc sống.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> - Học sinh xác định đúng yêu cầu hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. - Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo một cách hoặc kết hợp các cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành hoặc tổng – phân – hợp; bảo đảm yêu cầu về cấu trúc đoạn văn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Tác hại của việc thiếu kiên trì trong cuộc sống.	0,25

	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận</i> Học sinh đề xuất được hệ thống ý phù hợp với vấn đề nghị luận. Có thể theo hướng sau: - Thiếu kiên trì được hiểu là thiếu tính bền bỉ, không theo đuổi mục tiêu đến cùng khi gặp phải khó khăn, thử thách,... - Tác hại của việc thiếu kiên trì trong cuộc sống: làm con người thiếu kiên định, yếu đuối, hay sợ hãi khi đối diện khó khăn; khiến ta lười biếng trong suy nghĩ để tìm ra giải pháp nên dễ bỏ cuộc, chùn bước; là nguyên nhân dẫn đến thất bại,... - Ngợi ca những người kiên trì, quyết tâm cao. - Bài học cá nhân.	0,5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng hoặc sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai bài thơ Trăng (Xuân Diệu) và Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài	0,25

	khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> So sánh, đánh giá điểm tương đồng và khác biệt về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Trăng (Xuân Diệu) và Cảnh khuya (Hồ Chí Minh).	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu khái quát hai tác phẩm, hai tác giả và vấn đề cần nghị luận. * So sánh hai bài thơ - Điểm giống nhau + Về nội dung: cùng khắc họa bức tranh thiên nhiên đêm trăng thơ mộng, trữ tình; thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết. + Về nghệ thuật: sử dụng dòng thơ bảy chữ; ngôn ngữ thơ mang màu sắc hiện đại, giàu hình ảnh, gợi âm thanh; đều gieo vần chân;... - Điểm khác nhau: + Về nội dung: ++ Bài Trăng (Xuân Diệu): Trăng là một sự kết hợp khéo léo giữa việc khắc họa thiên nhiên và biểu đạt cảm xúc tình yêu lứa đôi của con người. Cảnh và tình lồng ghép, soi chiếu lẫn nhau. Qua việc khắc họa bức tranh vườn trăng lãng mạn, nhà thơ thể hiện cảm xúc tình yêu lứa đôi dạt dào, nồng thắm với bao suy tư, cảm xúc. ++ Bài Cảnh khuya (Hồ Chí Minh): Thiên nhiên Việt Bắc đêm trăng tĩnh lặng, sáng trong. Cảnh vật hòa quyện, quán quýt vào nhau. Chủ thể trữ tình giàu lòng yêu nước, luôn trăn trở, lo nghĩ về tổ quốc, quê hương. + Về nghệ thuật: ++ Bài Trăng (Xuân Diệu): thể thơ bảy chữ; chủ thể trữ tình trực tiếp; khai thác thành công mối tương giao giữa các giác quan; ngôn ngữ thơ lãng mạn, giàu cảm xúc; sử dụng nhiều từ láy, phép điệp góp phần tạo nên âm hưởng du dương, nhẹ nhàng cho thi phẩm;...	1,0

	++ Bài Cảnh khuya (Hồ Chí Minh): thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; chủ thể trữ tình ẩn; ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, gần gũi; sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh;... * Đánh giá - Hai bài thơ có những điểm tương đồng về đề tài thiên nhiên, cảm hứng chủ đạo và hình thức thể hiện. Đây là hai bài thơ xuất sắc của hai nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại; kết tinh những giá trị nghệ thuật và tư tưởng sâu sắc. - Bên cạnh đó, hai bài thơ vẫn có những nét riêng khác biệt do hai nhà thơ thuộc những khuynh hướng, phong cách văn học khác nhau. Xuân Diệu mang phong cách lãng mạn, là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ Mới” (Hoài Thanh). Hồ Chí Minh thuộc khuynh hướng văn học cách mạng. Phong cách văn chương của Người phong phú, đa dạng, kết hợp phong cách cổ điển và hiện đại. * Khẳng định lại giá trị của hai bài thơ và nêu cảm nhận cá nhân.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng hoặc sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5
	Tổng điểm	10,0

Lưu ý chung:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung lớn nhất thiết phải có.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng, những bài không gắn vấn đề nghị luận với tác phẩm văn học đã cho.